BỘ CÔNG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1295/BC-BCA-V03	*Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2022*

BÁO CÁO
Tổng kết thi hành Luật Căn cước công dân

Thực hiện sự phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Công an đã có Công văn số 4808/BCA-V03 ngày 30/12/2021 đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Công an các đơn vị, địa phương tiến hành rà soát, tổng kết thi hành Luật Căn cước công dân năm 2014. Bộ Công an báo cáo Chính phủ kết quả tổng kết thi hành Luật Căn cước công dân như sau:

I. VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

1. Công tác triển khai thi hành Luật Căn cước công dân

Sau khi Luật Căn cước công dân được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 về việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước công dân. Bộ Công an đã tham mưu giúp Chính phủ và cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản, kế hoạch chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả triển khai Luật Căn cước công dân, qua đó, chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về căn cước công dân, phục vụ yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm. Đồng thời, Bộ Công an cũng thường xuyên tiến hành rà soát các văn bản thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự có liên quan đến các quy định về căn cước công dân để tham mưu đề xuất bãi bỏ hoặc sửa đổi theo thẩm quyền những quy định trái với Luật Căn cước công dân. Bộ Công an đã ban hành các quyết định công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an, trong đó cụ thể hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính để người dân và cán bộ thuận tiện trong thực hiện giao dịch.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng đã có chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ khi Luật có hiệu lực thi hành; tổ chức thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ việc thu thập, cập nhật thông tin công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định của Luật Căn cước công dân. Đồng thời, tích cực, chủ động phối hợp với Bộ Công an trong việc tham mưu xây dựng và triển khai các chính sách, quy định có liên quan trong quản lý nhà nước về căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngoài ra, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao các đơn vị, địa phương đã sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính, giấy tờ công dân quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phù hợp với thời điểm hoàn thành, vận hành của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Căn cước công dân và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

Bộ Công an đã biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành Luật Căn cước công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân với nội dung rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo cho việc thực hiện Luật được thống nhất. Qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Căn cước công dân đã nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ này. Đã chủ động phối hợp với cơ quan báo chí, truyền thanh, phát thanh để tổ chức tuyên truyền rộng rãi Luật Căn cước công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia cung cấp thông tin cá nhân phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và tham gia thực hiện công tác cấp thẻ căn cước công dân trên địa bàn. Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Công an cấp tỉnh xây dựng phương án, đề xuất kinh phí triển khai thi hành Luật Căn cước công dân; chỉ đạo Sở Thông tin và truyền thông, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền cho cán bộ, Nhân dân nắm vững, hỗ trợ thực hiện công tác này; các sở, ban ngành đoàn thể, ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã chỉ đạo tổ chức, quán

triệt và phổ biến các quy định của pháp luật về căn cước công dân đối với các cán bộ trong đơn vị và Nhân dân trên địa bàn. Công an các cấp trên địa bàn tỉnh, thành phố đã tích cực trong công tác tổ chức tuyên truyền triển khai thực hiện Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tổ chức tuyên truyền lưu động trên các tuyến, địa bàn, xây dựng và phát tờ rơi, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền, tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh cấp xã hàng trăm nghìn lượt, đã biên tập hàng nghìn tin bài phóng sự tuyên truyền trên các đài VTV, ANTV, VTC, Đài Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, triển khai cấp thẻ căn cước công dân có gắn chíp điện tử. Mặt khác, qua công tác thu thập, cập nhật và kiểm tra, phúc tra thông tin dân cư tại hộ dân và qua công tác phòng, chống dịch Covid-19 với biện pháp đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người, Công an cấp xã đã tuyên truyền trực tiếp cho hàng triệu hộ giúp người dân hiểu được những nội dung cơ bản của dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phối hợp với lực lượng Công an trong quá trình thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phổ biến, quán triệt đến toàn bộ Đảng viên, cán bộ công chức, viên chức và người lao động Luật Căn cước công dân và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua các buổi sinh hoạt chính trị, tuyên truyền tại cơ quan Bộ, các tin, phóng sự thời sự, chương trình chuyên đề, bài viết trên báo điện tử và các thông tin trên mạng xã hội, không chỉ chú trọng thông tin đối nội, thông tin đối ngoại liên quan đến Luật Căn cước công dân cũng được chú ý; các tin bài đối ngoại của Thông tấn xã Việt Nam giúp thế giới hiểu đầy đủ, chính xác hơn về chính sách, pháp luật của Việt Nam trong quản lý công dân, đồng thời khẳng định việc ban hành Luật Căn cước công dân là bước tiến quan trọng của Việt Nam trong tiến trình đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

1. Về ban hành văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Căn cước công dân

Để triển khai thi hành Luật Căn cước công dân, Bộ Công an đã tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành 02 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ

tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền 14 Thông tư; phối hợp với Bộ Tài chính ban hành 01 Thông tư, cụ thể như sau:

- Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

- Thông tư số 104/2020/TT-BCA ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý Căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Thông tư số 39/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác tàng thư căn cước công dân.

- Thông tư số 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác tàng thư căn cước công dân.

- Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước công dân.

- Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP

- Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân.

- Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp thẻ Căn cước công dân.

- Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Thông tư số 40/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân.

- Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Thông tư số 33/TT-BCA ngày 10/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi một số điều Thông tư số 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước công dân.

- Thông tư số 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước công dân.

2. Công tác thu thập, cập nhật thông tin công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân

Ngày 01/7/2021, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân đã được chính thức đưa vào vận hành. Trên cơ sở dữ liệu dân cư đã thu thập, Bộ Công an đã tiến hành cấp hơn 98 triệu số định danh cho công dân trên toàn quốc, đây là cơ sở quan trọng để xác lập danh tính điện tử của công dân, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia. Để đảm bảo độ chính xác của thông tin công dân trước khi đưa vào hệ thống, Bộ Công an ban hành các quy trình về việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa và kiểm tra, phúc tra thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, gắn với trách nhiệm của từng cấp Công an trong thực hiện công tác này. Trong quá trình thu thập thông tin công dân, Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương thực hiện nhiều biện pháp kiểm tra, phúc tra thông tin của từng người dân để bảo đảm chính xác 100% thông tin dân cư. Kết quả Công an các địa phương đã tổ chức, thành lập 6000 lượt kiểm tra, phúc tra thông tin dân cư tại địa phương; đồng thời C06 đã phối hợp các Cục nghiệp vụ trực tiếp đi phúc tra, kiểm tra lại kết quả của công an các địa phương với hơn 200 lượt phục vụ việc làm sạch dữ liệu thông tin dân cư.

Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ rà soát, cập nhật trên 92.000 trường hợp thôi quốc tịch; gần 5 triệu trường hợp thay đổi thông tin trong hộ tịch để phục vụ việc làm sạch dữ liệu, cấp số định danh cá nhân cho gần 6 triệu trẻ em mới sinh từ ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp cá nhân là người gốc Việt Nam là người không quốc tịch nhưng đã sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam chưa được thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hiện nay có khoảng 31.117 trường hợp người gốc Việt Nam chưa có phương án giải quyết; trong đó, có 775 trường hợp là con lai giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài chưa xác định được quốc tịch (tập trung tại Gia Lai, Bạc Liêu, Vĩnh Long...); 10.650 trường hợp người không xác định được quốc tịch, chưa được đăng ký cư trú (tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Bình Dương, Đồng Nai...); 16.161 trường hợp người không có giấy tờ tùy thân (tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Đồng Nai, Bình Dương...).

3. Công tác quản lý và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân

Việc khai thác thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã phục vụ hiệu quả công tác giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu của công dân cũng như các cơ quan, tổ chức trong thực hiện các giao dịch. Trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Bộ Công an đã xây dựng và đưa vào thực tế triển khai hiệu quả yêu cầu nghiệp vụ của lực lượng công an phục vụ công tác

đấu tranh, phòng chống tội phạm, phục vụ các giải pháp ứng dụng, hỗ trợ trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 (đã triển khai phần mềm quản lý di biến động công dân ra, vào vùng dịch; phần mềm quản lý công dân nhiễm, nghi nhiễm Covid-19, phần mềm quản lý thông tin tiêm chủng của công dân và phần mềm hỗ trợ công dân thuộc diện trợ cấp theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID). Hiện tại, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã thực hiện kết nối tới một số đơn vị, cụ thể như sau:

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với hệ thống thông tin của Văn phòng Chính phủ qua trục kết nối, tích hợp quốc gia (VDXP), của Bộ Thông tin và Truyền thông qua trục kết nối, tích hợp quốc gia (NDXP) và kết nối, chia sẻ thông tin với 06 cơ sở dữ liệu của Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gồm: Cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo hiểm (của Bảo hiểm xã hội Việt Nam), Cơ sở dữ liệu về giáo viên, học sinh (của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Cơ sở dữ liệu về tiêm chủng (của Bộ Y tế), Cơ sở dữ liệu về trẻ em (của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội), Dữ liệu về đăng ký khai sinh (của Bộ Tư pháp).

Đồng thời, kết nối với hệ thống dịch vụ công, một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương gồm: 08 đơn vị bộ, ngành (Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng cục thuế của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp; 01 doanh nghiệp Nhà nước (Tập đoàn Điện lực Việt Nam); 14 địa phương (Hà Nội, Yên Bái, Lai Châu, Ninh Bình, Lào Cai, Cao Bằng, Nghệ An, Điện Biên, Quảng Ninh, Bắc Giang, Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế, Hải Dương, Hà Tĩnh). Dự kiến trong 06 tháng cuối năm 2022 và năm 2023 sẽ thực hiện kết nối với toàn bộ các bộ, ngành, địa phương còn lại để phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công theo Kế hoạch của Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Về công tác cấp Căn cước công dân

Với việc ứng dụng Công nghệ thông tin, toàn bộ quy trình cấp, quản lý căn cước công dân được thực hiện trên máy móc hiện đại nên thu nhận thông tin trở nên đơn giản, nhanh chóng, thuận lợi hơn. Thẻ căn cước công dân sản xuất theo công nghệ hiện đại, tuân thủ tiêu chuẩn ISO, ICAO...có độ bền cao, hình thức đẹp, dễ bảo quản, dễ sử dụng và có yếu tố bảo an, chống sao chép, chống

làm giả, tạo sự tin cậy, bảo vệ thông tin. Qua công tác cấp Căn cước công dân đã phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về căn cước công dân và công tác bảo đảm an ninh, trật tự, cụ thể là:

a) Về hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước: Quá trình thu nhận hồ sơ cấp Căn cước công dân đã góp phần tạo dựng, kiểm tra, đối soát được thông tin dân cư chính xác, đầy đủ và có khả năng truy nguyên; mỗi công dân được cấp 01 thẻ Căn cước công dân; trên thẻ Căn cước công dân có gắn chíp điện tử lưu trữ thông tin cá nhân của công dân để Bộ, ngành, đơn vị, địa phương có thể khai thác thông tin và ghi thông tin trên chíp phục vụ quản lý nhà nước.

b) Về hiệu quả kinh tế - xã hội: Công dân được bảo đảm quyền lợi, được sử dụng thẻ Căn cước công dân phục vụ giao dịch cá nhân nhanh chóng thuận tiện, tiết kiệm chi phí, công sức đi lại; cơ quan nhà nước sẽ được hưởng những dịch vụ công tốt nhất, được kết nối, khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý của mình nhanh chóng, chính xác, độ tin cậy cao; góp phần hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong phát triển các hoạt động kinh tế, xã hội.

c) Về hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm:

Qua triển khai thực hiện cấp thẻ Căn cước công dân, thông tin của người dân từ đủ 14 tuổi trở lên sẽ được thu thập, cập nhập vào cơ sở dữ liệu căn cước công dân và trao đổi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thống nhất quản lý. Thông tin có độ chính xác cao, có ảnh chân dung, vân tay lăn và các thông tin cơ bản của công dân, do vậy phục vụ rất tốt cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, truy nguyên các thông tin như truy tìm tung tích nạn nhân, mất tích, chết không rõ nguyên nhân, nhận diện khuôn mặt, đối sách vân tay, quản lý danh sách đối tượng theo quy định; phục vụ cơ quan điều tra thực thi các hoạt động điều tra, truy xét theo quy định một cách nhanh chóng, chính xác.

Qua hơn 06 năm triển khai thi hành Luật Căn cước công dân, đặc biệt là từ khi triển khai chiến dịch cấp thẻ Căn cước công dân có gắn chíp trên toàn quốc, Bộ Công an đã thực hiện cấp hơn 67 triệu thẻ Căn cước công dân có gắn chíp (bao gồm cả trường hợp cấp lần đầu và cấp đổi, cấp lại) cho khoảng 65 triệu công dân.

5. Về công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về cấp Căn cước công dân

Công an các địa phương đã tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống tàng thư căn cước công dân, quan tâm bố trí cán bộ chuyên trách để thực hiện công tác này. Bộ Công an phê duyệt và triển khai thực hiện Dự án nâng cao năng lực, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ công tác tàng thư hồ sơ hộ khẩu, tàng thư hồ sơ căn

cước công dân của lực lượng Cảnh sát thực hiện công tác tàng thư căn cước công dân. Tuy nhiên, việc lập, lưu trữ, quản lý và khai thác tàng thư, hồ sơ, tài liệu về công tác cấp Căn cước công dân vẫn còn những hạn chế như đội ngũ cán bộ còn thiếu, chưa được tập huấn về nghiệp vụ tàng thư căn cước công dân. Cách thức lưu trữ hồ sơ cấp căn cước công dân hiện còn chưa phù hợp với tình hình thực tế (có nơi chưa được số hóa hoặc chỉ số hóa được một số tài liệu, giấy tờ nên việc khai thác còn gặp nhiều khó khăn), gây lãng phí về nhân lực, diện tích nhà tàng thư và kinh phí mua sắm tủ tàng thư, túi hồ sơ Căn cước công dân.

6. Về tổ chức bộ máy, đào tạo bồi dưỡng và các điều kiện cần thiết khác

Về mô hình tổ chức, cơ quan cấp quản lý Căn cước công dân tại Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức theo đúng quy định, tại Công an cấp tỉnh bố trí tại Đội hướng dẫn đăng ký, quản lý cư trú; cấp quản lý cấp căn cước công dân thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Công an cấp huyện bố trí tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; chỉ đạo củng cố, bổ sung Công an xã, phường, thị trấn, cán bộ Công an xã chính quy, Công an xã bán chuyên trách tham gia công tác cấp căn cước công dân. Công an các địa phương tiếp tục chỉ đạo đơn vị, địa phương trực thuộc định kỳ rà soát biên chế lực lượng làm Công an cấp quản lý căn cước công dân, có kế hoạch và lộ trình cụ thể để bổ sung nguồn lực, bố trí lực lượng và biên chế đủ điều kiện để đáp ứng nhu cầu công tác thực tế tại địa phương. Theo đó, Công an các địa phương đã chủ động tăng cường cán bộ, chiến sĩ từ các Phòng nghiệp vụ, Đội nghiệp vụ Công an cấp huyện để bổ sung lực lượng cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp huyện để hoàn thành cấp căn cước công dân theo đúng tiến độ.

Bộ Công an đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về công tác cấp, quản lý Căn cước công dân. Đồng thời, chỉ đạo Công an địa phương căn cứ vào tình hình thực tế xây dựng kế hoạch tập huấn, đào tạo cho cán bộ, chiến sĩ của địa phương mình nắm được quy định của Luật Căn cước công dân và các văn bản hướng dân thi hành. Công an các địa phương đã phối hợp với C06 mở các lớp tập huấn về Luật Căn cước công dân, những quy định để thực hiện cấp, quản lý căn cước công dân theo quy định. Công an các địa phương thường xuyên chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, trình độ tin học, quản trị phần mềm hệ thống cho cán bộ, chiến sĩ

đảm nhiệm công tác cấp, quản lý căn cước công dân đảm bảo cán bộ, chiến sĩ làm công tác cấp, quản lý căn cước công dân đều nắm vững những quy định và thao tác thành thạo trên hệ thống. Theo đó, trong những năm quan Công an các địa phương đã huy động tối đa lực lượng, triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện "chiến dịch cấp thẻ căn cước công dân gắn chíp. Trong đó chủ động triển khai tổ chức thu nhận theo khung giờ phù hợp với đặc điểm dân cư và nghề nghiệp của công dân. Công an các địa phương đã tổ chức lực lượng thu nhận hồ sơ căn cước công dân ít nhất 18h/ngày; phát động, tổ chức tra cứu tàng thư căn cước công dân phục vụ công tác cấp căn cước công dân ít nhất 12h/ngày/người; tổ chức cấp thẻ căn cước công dân gắn chíp điện tử cho các trường hợp là cán bộ chiến sĩ trong Công an nhân dân, các đồng chí đại biểu dự Đại hội XIII của Đảng, chức sắc tôn giáo uy tín, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công với cách mạng, Già làng, Trưởng bản... đã tạo được dư luận mạnh mẽ, đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân.

Về việc bảo đảm trang bị phục vụ công tác cấp, quản lý Căn cước công dân: thực hiện Dự án sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân, Bộ Công an đã trang bị cho toàn bộ Công an cấp huyện và Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cả nước mỗi đơn vị ít nhất 02 bộ thu nhận Căn cước công dân, ngoài ra còn tận dụng các thiết bị của hệ thống Căn cước công dân mã vạch để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác cấp, quản lý Căn cước công dân. Ngoài các thiết bị do Bộ Công an trang cấp, Công an các địa phương cũng đã chủ động báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền trang bị bổ sung các loại thiết bị phục vụ công tác cấp căn cước công dân, chỉnh trang, nâng cấp, lắp đặt đầy đủ bàn ghế, ánh sáng, điều hòa tại các trụ sở tiếp công dân; lắp đặt hệ thống đường truyền, thiết bị máy tính, máy in, máy ảnh, văn phòng phẩm để thực hiện công tác thu nhận hồ sơ công tác cấp căn cước công dân; rà soát, lựa chọn địa điểm làm trạm cấp căn cước công dân lưu động, đảm bảo đầy đủ các điều kiện về diện tích, ánh sáng... thuận tiện cho việc đi lại, học tập, lao động của người dân.

7. Công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm

Bộ Công an đã tăng cường chỉ đạo Công an các địa phương thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của Luật Căn cước công dân và các văn bản pháp luật có liên quan. Để kịp thời giải quyết các khiếu nại liên quan đến công tác cấp, quản lý Căn cước công dân, Bộ Công an đã đưa vào hoạt động tổng đài Call Center, công khai các địa chỉ số

(facebook, địa chỉ email) để công dân có thể trực tiếp liên hệ khi gặp vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước công dân. Kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về căn cước công dân, Bộ Công an đã tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về cấp, quản lý Căn cước công dân.

Hằng năm Công an các địa phương đã giao Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ có liên quan tham mưu lãnh đạo Công an địa phương có kế hoạch kiểm tra việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và công tác cấp, quản lý Căn cước công dân theo quy định của pháp luật; gắn công tác kiểm tra với công tác cải cách hành chính. Thành lập nhiều đoàn kiểm tra, hướng dẫn tại các tổ công tác cấp Căn cước công dân lưu động, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh xử lý các trường hợp sai phạm về quy trình công tác, lễ tiết tác phong trong tiếp xúc, làm việc với nhân dân. Tiếp nhận phản ánh của công dân trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an về việc chậm trả thẻ căn cước công dân và rà soát, kiểm tra trả lời thỏa đáng cho công dân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

1. Kết quả đạt được

Qua 06 năm tổ chức triển khai thực hiện Luật Căn cước công dân đã cho thấy sự triển khai nghiêm túc, hiệu quả của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân, Công an các cấp. Bộ Công an đã giúp Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai, thực hiện Luật Căn cước công dân đạt nhiều kết quả. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tiến hành rộng rãi, hiệu quả, qua đó đã nâng cao nhận thức pháp luật về căn cước công dân của các cơ quan, tổ chức và của người dân. Các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung rà soát, bãi bỏ nhiều văn bản pháp luật lạm dụng quy định làm hạn chế quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thông qua triển khai tập huấn Luật Căn cước công dân, Công an các cấp đã có chuyển biến tích cực cả về nhận thức, trách nhiệm và phương pháp tổ chức thực hiện, nhất là về ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác cấp, quản lý căn cước công dân. Trong tổ chức thực hiện đã áp dụng đúng các quy trình công tác, giải quyết hồ sơ đúng đối tượng, điều kiện, thủ tục. Tất cả các cơ quan cấp Căn cước công dân đều công khai hóa thủ tục, điều kiện, thời gian giải quyết, lệ phí cấp căn cước công dân. Qua 06 năm triển khai thực hiện Luật Căn cước công dân đã xuất hiện nhiều tấm gương, nhiều đơn vị có

tinh thần phục vụ tốt, được nhân dân khen ngợi; nhiều cách làm mới, sáng tạo như: rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cấp Căn cước công dân, các tổ cấp căn cước cong dân lưu động xuống tận các thôn bản, nhà dân để thu nhận hồ sơ Căn cước công dân...Nhiều địa phương đã thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung, yêu cầu cải cách hành chính trong công tác cấp, quản lý Căn cước công dân; có sự phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, gắn việc thực hiện các quy định về căn cước công dân với các lĩnh vực có liên quan như: cư trú, hộ tịch, dân số, thống kê...

Việc triển khai thực hiện Luật Căn cước công dân đã đảm bảo được yêu cầu quản lý nhà nước về căn cước công dân trong tình hình mới, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở các cấp, hỗ trợ đắc lực trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự.

2. Khó khăn, vướng mắc từ quy định của Luật Căn cước công dân

a) Hiện nay, công dân có nhiều loại giấy tờ tùy thân khác nhau như thẻ Căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy khai sinh, giấy phép lái xe... Việc có quá nhiều loại giấy tờ khác nhau được cơ quan có thẩm quyền cấp cho công dân gây ra khó khăn nhất định cho công dân trong lưu trữ, sử dụng, nhất là trong thực hiện các thủ tục hành chính, các tiện ích, dịch vụ công; không phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động xã hội đang ngày càng phát triển ở nước ta. Trong khi đó, Luật Căn cước công dân không có các quy định về việc khai thác, sử dụng thông tin trên thẻ Căn cước công dân (bao gồm thông tin về căn cước công dân và các thông tin trên giấy tờ khác của công dân được tích hợp vào thẻ Căn cước công dân qua chíp điện tử và mã QR code) nên việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ tiện ích của thẻ Căn cước công dân vào giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính còn gặp nhiều khó khăn, thiếu đồng bộ, thống nhất; nhiều đơn vị chưa tham gia triển khai vì đây không phải là nội dung được quy định trong luật.

b) Các quy định của Luật Căn cước công dân về việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu Căn cước công dân còn chưa được đầy đủ, bao quát, chủ yếu được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật; trong khi đó, đây là vấn đề lớn, tác động rộng rãi đến nhiều chủ thể khác nhau bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp

được giao thực hiện một số dịch vụ công và tổ chức, cá nhân khác, nên cần được luật hóa.

c) Trong thực hiện chuyển đổi số, việc xác định, định danh công dân trên môi trường điện tử (công dân số) là rất cần thiết; trong khi đó, Luật Căn cước công dân là văn bản quan trọng quy định về quản lý, định danh một công dân cụ thể nhưng hiện nay mới chỉ tập trung vào việc quản lý công dân qua Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua thẻ Căn cước công dân mà chưa có quy định về việc xác định, quản lý, định danh công dân trên môi trường điện tử nên gây khó khăn trong phát triển các tiện ích, triển khai dịch vụ công, quản lý các giao dịch điện tử quan trọng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản... chưa bảo đảm, bảo vệ được quyền, lợi ích chính đáng của công dân trên môi trường điện tử.

d) Luật Căn cước công dân là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, quy định việc chuyển đổi từ cấp, sử dụng Chứng minh nhân dân sang cấp, sử dụng bằng thẻ Căn cước công dân; tuy nhiên, nhiều cơ quan, tổ chức đã yêu cầu công dân bắt buộc phải thực hiện các thủ tục để cập nhật, điều chỉnh lại thông tin trên giấy tờ, tài liệu đã cấp trước đây cho công dân (có thông tin về Chứng minh nhân dân) bằng thông tin về thẻ Căn cước công dân (như trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng...) gây khó khăn, phiền hà cho công dân. Do vậy, cần bổ sung vào Luật Căn cước công dân quy định chuyển tiếp để bảo đảm việc sử dụng, thay thế từ Chứng minh nhân dân sang thẻ Căn cước công dân của công dân được thuận lợi hơn; hạn chế phát sinh các thủ tục khác đối với công dân.

đ) Theo quy định tại Điều 9, Điều 15 Luật Căn cước công dân (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 37 Luật Cư trú năm 2020) thì thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân chỉ bao gồm một số nhóm thông tin; tuy nhiên, qua triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, việc mở rộng, tích hợp thêm nhiều thông tin khác của công dân và người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam (sau đây viết gọn là người gốc Việt Nam) trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân là rất cần thiết; trực tiếp phục vụ cho việc ứng dụng tiện ích của thẻ Căn cước công dân, định danh điện tử, kết nối, chia sẻ, chứng thực

dữ liệu công dân, phân tích, thiết lập bản đồ số dân cư. Do vậy, việc giới hạn các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định tại Điều 9, Điều 15 Luật Căn cước công dân nêu trên sẽ gây khó khăn khi triển khai Đề án, thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

e) Theo quy định tại Điều 18 Luật Căn cước công dân thì thông tin trong thẻ Căn cước công dân bao gồm nhiều thông tin khác nhau về công dân; trong đó, có thông tin về ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quốc tịch, quê quán, nơi thường trú; tuy nhiên, trong thực tế khi triển khai cấp thẻ Căn cước công dân có nhiều trường hợp công dân không có thông tin về ngày, tháng sinh; không có nơi thường trú; không có địa chỉ quê quán rõ ràng (theo 03 cấp hành chính); có trường hợp công dân đã được cấp thẻ căn cước công dân nhưng lại xác định lại giới tính... nên dẫn đến nhiều trường hợp công dân phải thực hiện đăng ký lại, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch đầy đủ mới được cấp thẻ Căn cước công dân. Quy định này gây khó khăn cho công dân, nhất là với trường hợp người cao tuổi khi không có hoặc không còn giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân do yếu tố lịch sử, chiến tranh dẫn đến không được cấp thẻ Căn cước công dân hoặc phải làm thêm rất nhiều thủ tục hộ tịch khác mới đủ điều kiện cấp thẻ Căn cước công dân.

g) Luật Căn cước công dân không quy định về cấp thẻ Căn cước công dân cho toàn bộ công dân Việt Nam (loại trừ đối tượng là người dưới 14 tuổi, người không có nơi thường trú…) và cấp số định danh cá nhân, giấy chứng nhận căn cước cho trường hợp người gốc Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay đã có sự thay đổi về công nghệ thu nhận sinh trắc học của cá nhân như đối với vân tay thì sử dụng bộ thu nhận vân tay điện tử thay thế cho sử dụng mực lăn tay, chỉ bản nên có thể thực hiện thu nhận được vân tay của người từ đủ 05 tuổi trở lên vẫn bảo đảm yêu cầu về đối sánh dữ liệu sinh trắc học và yêu cầu quản lý nhà nước. Đối với việc thu nhận thông tin sinh trắc học về ảnh khuôn mặt thì có thể thu nhận được đối với tất cả cá nhân (bao gồm cả người dưới 14 tuổi). Thực tế việc thu nhận ảnh khuôn mặt đã được áp dụng và quy định trong việc cấp thị thực cho cả trẻ em dưới 14 tuổi tại khoản 2 Điều 7 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10/6/2020). Bên cạnh đó, để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng cho công dân Việt Nam liên quan đến cấp, sử dụng thẻ Căn cước công dân và giải quyết các vấn đề còn tồn tại liên quan đến yếu tố lịch sử, chiến tranh, cần phải có chính

sách, quy định pháp luật để quản lý, giải quyết bất cập trong công tác quản lý dân cư; nhất là quy định về quản lý trường hợp người gốc Việt Nam là người không quốc tịch nhưng đang sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam; bảo đảm cơ chế để họ có thể tham gia vào các giao dịch dân sự, dịch vụ công, nhất là các dịch vụ thiết yếu bảo đảm cuộc sống.

h) Luật Căn cước công dân chưa có quy định về việc hủy, xác lập lại số định danh cá nhân đối với trường hợp công dân có quyết định thôi quốc tịch, công được nhập trở lại quốc tịch Việt Nam...

i) Luật Căn cước công dân chưa có quy định về cấp lại thẻ Căn cước công dân theo hồ sơ đề nghị cấp thẻ gần nhất trên hệ thống cấp Căn cước công dân nên có trường hợp công dân vừa được cấp thẻ Căn cước công dân nhưng bị thất lạc, hư hỏng... đều phải trực tiếp đến cơ quan Công an để thực hiện cấp lại thẻ Căn cước công dân khác.

k) Hiện nay, các quy định về việc bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin của công dân đã được pháp luật chuyên ngành quy định chặt chẽ hơn, đòi hỏi phải thực hiện sửa đổi, bổ sung các quy định tương ứng tại Luật Căn cước công dân cho phù hợp như quy định về phòng chống các hành vi tấn công, xâm nhập, đánh cắp thông tin, phá hoại hoặc làm hư hỏng dữ liệu về dân cư.

l) Luật Căn cước công dân là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, quy định việc chuyển đổi từ cấp, sử dụng Chứng minh nhân dân sang cấp, sử dụng bằng thẻ Căn cước công dân; tuy nhiên, nhiều cơ quan, tổ chức đã yêu cầu công dân bắt buộc phải thực hiện các thủ tục để cập nhật, điều chỉnh lại thông tin trên giấy tờ, tài liệu đã cấp trước đây cho công dân (có thông tin về Chứng minh nhân dân) bằng thông tin về thẻ Căn cước công dân (như trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng...) gây khó khăn, phiền hà cho công dân. Do vậy, cần bổ sung vào Luật Căn cước công dân quy định chuyển tiếp để bảo đảm việc sử dụng, thay thế từ Chứng minh nhân dân sang thẻ Căn cước công dân của công dân được thuận lợi hơn; hạn chế phát sinh các thủ tục khác đối với công dân.

Các quy định của Luật Căn cước công dân về việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu Căn cước công dân còn chưa được đầy đủ, bao quát. Luật Căn cước công dân mới chỉ tập trung vào việc quản lý công dân qua Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua thẻ Căn cước công dân mà chưa có quy định về định danh điện tử (căn cước điện tử) đối với cá nhân trên môi

trường điện tử. Quy định pháp luật quy định về các vấn đề trên chủ yếu được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật, văn bản dưới luật *(như Nghị định số 137/2015/ND-CP ngày 31/12/2015, Nghi định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021, Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh...)*; trong khi đó, đây là vấn đề lớn, tác động rộng rãi đến nhiều chủ thể khác nhau bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp được giao thực hiện một số dịch vụ công và tổ chức, cá nhân khác nên cần được luật hóa để bảo đảm đúng tinh thần của Hiến pháp là các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân cần phải ban hành dưới hình thức luật (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp), bảo đảm, bảo vệ được quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở rà soát Luật Căn cước công dân, Bộ Công an đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung Luật Căn cước công dân như sau:

1. Bổ sung quy định về việc tích hợp các thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của công dân ngoài thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân vào thẻ Căn cước công dân (qua chíp điện tử trên thẻ Căn cước công dân và mã QR code) để giúp giảm giấy tờ cho công dân, tạo thuận lợi cho công dân trong thực hiện giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính như: Thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sau khi thống nhất với Bộ Công an.

Những thông tin được tích hợp vào thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng tương đương với việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin được tích hợp; cụ thể bổ sung trong luật quy định sau:

a) Nguyên tắc, trình tự, thủ tục để thu thập, tích hợp thông tin.

b) Quy định về loại thông tin được tích hợp (như thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sau khi thống nhất với Bộ Công an).

c) Quy định về giá trị của thông tin được tích hợp vào thẻ Căn cước công dân; quy định chuyển tiếp, lộ trình tích hợp thông tin.

d) Quy định về hình thức tích hợp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện tích hợp thông tin.

đ) Bổ sung quy định về sửa đổi, bổ sung một số Luật có liên quan quy định về việc tích hợp, sử dụng thẻ Căn cước công dân thay thế cho việc sử dụng các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Bổ sung quy định một số nhóm thông tin đối với công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cụ thể là:

a) Bổ sung một số nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm: Thông tin về số chứng minh nhân dân, căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp; người giám hộ, người được giám hộ; thông tin về diện chính sách; thông tin về tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam.

b) Chỉnh lý Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thành Cơ sở dữ liệu căn cước.

c) Bổ sung một số nhóm thông tin về sinh trắc học (mống mắt, ADN, giọng nói) vào Cơ sở dữ liệu căn cước. Việc thu thập thông tin sinh trắc học về mống mắt, ADN, giọng nói chỉ áp dụng đối với một số người có tiền án, tiền sự phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật (quy định này tương đồng với quy định của nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp, Singapore, Hàn Quốc…). Những thông tin này do các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc…) thu thập trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật và được chuyển cho cơ quan quản lý Căn cước công dân để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

d) Bổ sung thông tin về người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

3. Bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân Việt Nam dưới 14 tuổi và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam để

bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của họ và phục vụ công tác quản lý nhà nước; phát huy giá trị, tiện ích của thẻ Căn cước công dân trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Các trường hợp được điều chỉnh bổ sung gồm:

a) Bổ sung quy định cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân là trẻ em dưới 14 tuổi; đối với trẻ em mới sinh việc thực hiện cấp thẻ Căn cước công dân được thực hiện đồng thời trong thủ tục liên thông khi đăng ký khai sinh. Người từ đủ 14 tuổi trở lên phải bắt buộc thực hiện thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân. Đối với người dưới 14 tuổi thực hiện việc cấp thẻ Căn cước công dân theo nhu cầu (không bắt buộc).

b) Bổ sung quy định giải quyết vướng mắc trong cấp thẻ Căn cước công dân cho người không có nơi thường trú, không đầy đủ một số thông tin cá nhân khác như ngày, tháng sinh, quê quán (theo 03 cấp hành chính), có thông tin kê khai về dân tộc, tôn giáo khác không nằm trong danh mục quy định của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

c) Bổ sung quy định về cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam.

4. Hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; định danh điện tử; cấp, hủy số định danh của cá nhân; quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan, cụ thể như sau:

a) Bổ sung quy định về tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) đối với cá nhân để thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự trên môi trường điện tử. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) và thông tin được tích hợp trong tài khoản định danh điện tử.

b) Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân cho đầy đủ, bao quát, phù hợp với thực tiễn triển khai dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân.

c) Sửa đổi, bổ sung quy định chuyển tiếp về thời hạn sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân (gắn chíp) thay thế cho Chứng minh nhân dân và thẻ Căn cước công dân có mã vạch để tăng cường bảo mật, chống làm giả và phát huy

hiệu quả khai thác, ứng dụng tiện ích mới của thẻ Căn cước công dân; đồng thời, bổ sung quy định hạn chế việc buộc thay đổi, điều chỉnh thông tin trên giấy tờ, tài liệu của công dân có sử dụng thông tin Chứng minh nhân dân bằng thông tin về thẻ Căn cước công dân qua ứng dụng mã QR code và chíp điện tử trên thẻ Căn cước công dân.

d) Bổ sung quy định về việc cấp, hủy số định danh cá nhân với trường hợp công dân có quyết định thôi quốc tịch, công dân được nhập trở lại quốc tịch Việt Nam.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành Luật Căn cước công dân, Bộ Công an kính báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03 (P3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trung tướng Lê Quốc Hùng